

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2018

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Tâm;

Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982;

Cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, Phú Yên;

- Bị đơn: Nguyễn Trọng Q, sinh năm: 1977;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, Phú Yên;

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/7/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Trọng Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/3/2000 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh Q thường xuyên đánh vợ phải nhập viện để điều trị; đến năm 2014 thì mâu thuẫn càng trầm trọng. Tháng 3/2017, anh Q tiếp tục đánh chị phải đi điều trị ở bệnh viện nên chị đã ra sống riêng, hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Trọng L, sinh ngày 05/6/2000; Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 02/01/2002; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2009. Ly hôn, cháu L và cháu L1 có nguyện vọng ở với cha, cháu A muốn

ở với mẹ nên nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu A, giao bị đơn nuôi cháu L và cháu L1 theo nguyện vọng của các con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Trọng Q trình bày: Anh thống nhất như nguyên đơn trình bày về việc kết hôn, anh thừa nhận trong quá trình chung sống anh có vài lần đánh vợ nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để anh có cơ hội sửa chữa. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như nguyên đơn trình bày; ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Nguyễn Trọng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2000 tại UBND xã H, huyện T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn sống chung với nhau thường xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bị đơn thường xuyên đánh nguyên đơn; chính quyền địa phương đã giải quyết, bị đơn hứa sửa chữa nhưng đến nay tính tình vẫn không thay đổi, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành; hai người đã sống ly thân từ tháng 4 /2017 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Trọng L, sinh ngày 05/6/2000; Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 02/01/2002; Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2009. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu A, giao cháu L và cháu L1 cho bị đơn nuôi là đúng quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu được nuôi 03 con chung nhưng nguyên đơn không chấp nhận và cũng không phù hợp với nguyện vọng của cháu A nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Trọng Q.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Trọng L, sinh ngày 05/6/2000 và Nguyễn Thị Kim L1, sinh ngày 02/01/2002 cho bị đơn anh Nguyễn Trọng Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2009 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn và bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2015/0005707 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa